

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/GPMT-UBND

Sơn La, ngày 06 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 62/AT-TCKH ngày 27/12/2024 của Công ty cổ phần An Thịnh về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở Nhà máy thủy điện Suối Lùm 3 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1036/TTr-STNMT ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần An Thịnh (địa chỉ: Số 225, đường Lê Đức Thọ, tổ 14, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy thủy điện Suối Lùm 3 với những nội dung sau:

1. Thông tin chung của chủ cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy thủy điện Suối Lùm 3.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 5500297291 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp đăng ký lần đầu ngày 07/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/4/2020.

1.4. Mã số thuế: 5500297291

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.6. Phạm vi quy mô, công suất

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án Nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Tổng diện tích là 85.270,4m².

- Công suất phát điện: 14 MW (*gồm 02 tổ máy*).

2. Nội dung cấp Giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần An Thịnh

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường

2. Công ty cổ phần An Thịnh có trách nhiệm

2.1. Chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung trình phê duyệt, về số liệu, tính chính xác các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật và các kết luận của Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động tự rà soát kiểm tra, khắc phục những nội dung sai phạm (*nếu có*).

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 08 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 08 tháng 01 năm 2034).

Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình dự án thủy điện Suối Lùm 3, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo Giấy phép này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với chủ cơ sở được cấp Giấy phép môi trường đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp Giấy phép môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT, CT;
- UBND huyện Bắc Yên;
- Công ty cổ phần An Thịnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



Phụ lục số 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 39/GPMT-UBND ngày 06/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nhà vệ sinh số 1 khu nhà ở công nhân.
- Nguồn số 02: Nhà vệ sinh số 2 khu nhà ở công nhân.
- Nguồn số 03: Nhà vệ sinh số 3 khu nhà ở công nhân.
- Nguồn số 04: Nhà vệ sinh số 4 khu nhà ở công nhân.
- Nguồn số 05: Nhà vệ sinh số 5 khu nhà ở công nhân.
- Nguồn số 06: Khu vực bếp nấu ăn.

1.2. Nước thải sản xuất

Nguồn số 07: Nước rò rỉ nhiễm dầu từ tổ máy trong quá trình hoạt động.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Sông Đà thuộc địa bàn xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:
 - Dòng thải số 01 (*thu gom các nguồn nước thải từ nguồn số 1 đến nguồn số 6*): Nước thải sinh hoạt sau xử lý được xả xuống kênh xả hạ lưu nhà máy tại điểm xả có tọa độ: $X_1 = 2362060$; $Y_1 = 518317$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).
 - Dòng thải số 02 (*tương ứng với nguồn số 7*): Nước thải sản xuất sau xử lý được xả xuống kênh xả hạ lưu nhà máy tại điểm xả có tọa độ: $X_2 = 2362061$; $Y_2 = 518316$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất $3,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, trong đó:

- Dòng nước thải số 01: $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Dòng nước thải số 02: 1,0 m³/ngày.đêm.

a) Phương thức xả thải: Tự chảy.

b) Chế độ xả nước thải

- Dòng số 01: Xả liên tục (24 giờ).

- Dòng số 02: Xả gián đoạn (khi phát sinh nước rò rỉ).

c) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải tương ứng, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt (dòng thải số 01): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT - cột A với hệ số $K=1,2$).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,0 ÷ 9,0	Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

- Nước thải sản xuất (dòng số 02): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT - cột A với hệ số $K_q = 1,0$; $K_f = 1,2$).

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	6-9	Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	
2	pH	-	40		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
4	COD	mg/l	90		
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
6	Asen (As)	mg/l	0,06		
7	Thủy Ngân (Hg)	mg/l	0,006		

8	Chì (Pb)	mg/l	0,12	
9	Cadimi (Cd)	mg/l	0,06	
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6	
11	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
12	Tổng Nitơ	mg/l	24	
13	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	4,8	
14	Coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đã xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại các hạng mục công trình trong phạm vi Cơ sở.

- Nguồn số 01 đến nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các nhà vệ sinh được thu gom chung về 01 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối công suất 3m³/ngày.đêm để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh tại khu vực bếp ăn được thu gom về hồ lắng để lắng sơ bộ, sau đó nhập chung với nguồn nước thải từ khu vực nhà vệ sinh về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối công suất 3m³/ngày.đêm để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 07: Nước thải rò rỉ từ hoạt động của nhà máy được thu gom về hồ thu dưới sàn gian máy, sau đó bơm lên bể nổi xử lý nước thải sản xuất để xử lý trước khi xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Bể tự hoại 3 ngăn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đen từ bồn cầu → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối.

- Số lượng: 01 bể, thể tích 5,4m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

b) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng và khử trùng → Kênh xả hạ lưu → Sông Đà.

- Số lượng: 01 hệ thống

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh, ozone khử trùng.

c) Bể xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Hồ thu → Ngăn số 1 (ngăn chứa, tách dầu) → Ngăn số 2 (ngăn lắng dầu) → Ngăn số 3 (ngăn chứa nước sạch) → Kênh xả hạ lưu → Sông Đà.

- Số lượng: 01 bể, thể tích 25,25m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Giấy thấm dầu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành các công trình xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất theo đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sau xử lý, đảm bảo vận hành hiệu quả các công trình xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Dự kiến 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ban hành.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 3m³/ngày.đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

a) Vị trí lấy mẫu

Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại điểm xả nước thải đầu ra của các dòng từ số 01 đến số 02.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần An Thịnh phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại tiết c, điểm 2.3, mục 2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do

chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng điều kiện, quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần An Thịnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty cổ phần An Thịnh chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. 

**Phụ lục số 02****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 39/GPMT-UBND ngày 06/01/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt 02 tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực Nhà máy Thủy điện Suối Lùm 3 thuộc xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La tại tọa độ X = 2361959; Y = 518543.
- Nguồn số 02: Khu vực Nhà máy Thủy điện Suối Lùm 3 thuộc xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La tại tọa độ X = 2361951; Y = 518549.
- Nguồn số 03: Khu vực Nhà máy Thủy điện Suối Lùm 3 thuộc xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La tại tọa độ X = 2361969; Y = 518541.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104^0 , múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

3.2. Độ rung nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống tuabin phát điện, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định. 

Phụ lục số 03

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 39/GPMT-UBND ngày 06/01/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	05
2	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	165
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	17 05 06	03
4	Giấy thấm dầu thải	18 02 01	55
Tổng			228

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	20
2	Bùn thải nạo vét từ các hố ga	20
Tổng		40

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1,86 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chứa có nắp, dán mã chất thải nguy hại theo đúng quy định để lưu chứa chất thải nguy hại.

b) Kho lưu chứa

- Số lượng: 01 kho.

- Diện tích kho: 12m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được thiết kế kho kín, có mái che bằng tôn, nền bê tông, tường bao bằng tôn, dán nhãn, lắp biển báo, dấu hiệu cảnh báo, bình chữa cháy và thiết bị, vật liệu phòng chống sự cố môi trường, có gờ cao phòng ngừa chất thải lỏng chảy tràn.

- Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa: Không có.

b) Kho lưu chứa: Không có.

- Bùn cặn từ bể tự hoại: Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Bùn thải nạo vét từ các hố ga: Tận dụng bón gốc cây xanh của nhà máy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí tại mỗi khu vực có phát sinh 03 thùng chứa loại 30 lít để thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn.

b) Kho lưu chứa: Không có.

- Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng: Thu gom và bán phế liệu.

- Chất thải thực phẩm: Cho người dân xung quanh mang về để chăn nuôi.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác: Thu gom, định kỳ cử cán bộ mang đến khu tập kết rác của khu vực.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Theo dõi thường xuyên bề điều tiết, định kỳ bảo dưỡng, gia cố bề điều tiết trong quá trình vận hành cơ sở; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở bề điều tiết và khu vực điểm xả trong quá trình vận hành cơ sở để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều

108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành./

Phụ lục số 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 39/GPMT-UBND ngày 06/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 418/ QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng công trình dự án Thủy điện Suối Lùm 3, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, khoáng sản, phòng chống thiên tai và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình vận hành cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

4. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (*lắp đặt tại khu vực riêng biệt*) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành, đường hầm do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục số 03, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.